

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/HNGĐ-ST

Ngày 01 – 8 – 2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Phát Đạt.

+ Ông Võ Sĩ Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 457/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Đường H, khóm S, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Quốc L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 24/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Quốc L chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/6/1993. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần cãi vã anh L đánh chị, xúc phạm chị và gia đình chị. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên Lê Thanh N, sinh ngày 11/12/1994; Lê Thanh Hoàng O, sinh ngày 21/02/2005, hiện cháu N đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với cháu O hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Đối với anh Lê Quốc L, mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh L vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Quốc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 13/5/2019, ngày 06/6/2019, ngày 24/6/2019, ngày 11/7/2019, ngày 01/8/2019 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thanh T và anh Lê Quốc L xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/6/1993 nên hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần cãi vã anh L đánh chị, xúc phạm chị và gia đình chị. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh L. Đối với anh L không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến và cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc chị T xin ly hôn. Cho nên nhận thấy, cuộc sống giữa chị T, anh L thực sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Chị T, anh L có 02 con chung tên Lê Thanh N, sinh ngày 11/12/1994; Lê Thanh Hoàng O, sinh ngày 21/02/2005, hiện cháu N đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với cháu O hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu O hiện do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn; anh L không nêu ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu O cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không nợ ai và không ai nợ lại nên không đặt ra giải quyết.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
 - Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thanh T về việc xin ly hôn anh Lê Quốc L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Hoàng O, sinh ngày 21/02/2005 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thanh N, sinh ngày 11/12/1994 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu 300.000đ. Ngày 24 tháng 4 năm 2019, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Quốc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND phường 7, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Thu

